

**ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ TÂN VIỆT**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: ... /TB-UBND

Tân Việt, ngày 18 tháng 4 năm 2023

THÔNG BÁO

Mức thu phí, lệ phí thực hiện thủ tục hành chính tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả xã Tân Việt

Căn cứ Luật phí và lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính; Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về Kiểm soát thủ tục hành chính

Căn cứ Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ về cấp bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký và chứng thực hợp đồng, giao dịch;

Căn cứ Thông tư số 20/2015/TT-BTP ngày 29/12/2015 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ về cấp bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký và chứng thực hợp đồng, giao dịch;

Căn cứ Thông tư số 226/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí chứng thực.

Căn cứ Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí khai thác, sử dụng thông tin trong cơ sở dữ liệu hộ tịch, phí xác nhận có quốc tịch Việt Nam, phí xác nhận là người gốc Việt Nam, lệ phí quốc tịch;

Căn cứ Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

Căn cứ Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực

Căn cứ Thông tư số 267/2016/TT-BTP ngày 14/11/2016 hướng dẫn lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước bảo đảm cho công tác nuôi con nuôi và cấp, gia hạn, sửa đổi giấy phép hoạt động của tổ chức nuôi con nuôi nước ngoài tại Việt Nam.

Căn cứ Thông tư số 47/2005/TT-BTC ngày 08/6/2005 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ thu, nộp và quản lý sử dụng phí, lệ phí quản lý nhà nước về đảm bảo trật tự, an toàn giao thông đường thủy nội địa.

Căn cứ Quyết định số 3160/QĐ-UBND ngày 29/10/2021 của UBND tỉnh Hải Dương về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính chuẩn hóa thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Tư pháp Hải Dương

Căn cứ Quyết định số 3402/QĐ-UBND ngày 16/12/2022 về việc công bố danh mục thủ tục hành chính mới ban hành, sửa đổi, bổ sung phê duyệt quy trình nội bộ, giải quyết TTHC trong lĩnh vực hộ tịch thuộc phạm vi chức năng của Sở Tư Pháp

Căn cứ Nghị quyết 17/2016/NQ-HĐND ngày 05/10/2016 của HĐND tỉnh Hải Dương về ban hành mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của HĐND tỉnh

Ủy ban nhân dân xã Tân Việt thông báo mức thu phí, lệ phí thực hiện thủ tục hành chính tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả xã.

(Chi tiết có phụ lục đính kèm).

Ủy ban nhân dân xã Tân Việt trân trọng thông báo./.

Nơi nhận:

- VP UBND huyện;
- Lãnh đạo UBND xã;
- Công chức chuyên môn;
- Bộ phận TN&TQ xã;
- Đài truyền thanh xã;
- Trang TTĐT xã;
- Cá nhân, tổ chức GQ TTHC;
- Lưu: VP.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ
CHỦ TỊCH

Vũ Xuân Hào

DANH SÁCH MỨC THU PHÍ, LỆ PHÍ
THỰC HIỆN THỦ TỤC HÀNH CHÍNH TẠI BỘ PHẬN TIẾP NHẬN VÀ TRẢ KẾT QUẢ XÃ TÂN VIỆT
(Ban hành kèm theo Thông báo số /TB-UBND xã Tân Việt ngày 18/ 4 ./2023 của UBND xã Tân Việt)

Số TT	Tên thủ tục hành chính	Mức thu phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
	TƯ PHÁP - HỘ TỊCH		
I	Lĩnh vực Chứng thực		
1	Thủ tục chứng thực bản sao từ bản chính giấy tờ, văn bản do cơ quan tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam cấp hoặc chứng nhận	Lệ phí: 2.000 đồng/trang; từ trang thứ 3 trở lên thu 1.000 đồng/trang, tối đa thu không quá 200.000 đồng/bản	Lệ phí Thông tư 226/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ tài chính quy định mức thu, chế độ thu nộp, quản lý và sử dụng phí chứng thực.
2	Thủ tục chứng thực chữ ký trong các giấy tờ, văn bản (áp dụng cho cả trường hợp chứng thực điểm chỉ và trường hợp người yêu cầu chứng thực không thể ký, không thể điểm chỉ được)	Lệ phí: 10.000 đồng/trường hợp (trường hợp được tính là một hoặc nhiều chữ ký trong một giấy tờ, văn bản)	
3	Thủ tục chứng thực việc sửa đổi, bổ sung, hủy bỏ hợp đồng, giao dịch	Lệ phí: 30.000 đồng/hợp đồng, giao dịch. Miễn lệ phí chứng thực hợp đồng thế chấp tài sản cho cá nhân, hộ gia đình vay vốn tại tổ chức tín dụng để phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn	
4	Thủ tục sửa lỗi sai sót trong hợp đồng, giao dịch	Lệ phí: 25.000 đồng/hợp đồng, giao dịch. Miễn lệ phí chứng thực hợp đồng thế chấp tài sản cho cá nhân, hộ gia đình vay vốn tại tổ chức tín dụng để phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn,	
5	Thủ tục cấp bản sao có chứng thực từ bản chính hợp đồng, giao dịch đã được chứng thực	Lệ phí: 2.000 đồng/trang; từ trang thứ 3 trở lên thu 1.000 đồng/trang, tối đa thu không quá 200.000 đồng/bản	
6	Thủ tục chứng thực hợp đồng, giao dịch	Lệ phí: 50.000 đồng/hợp đồng, giao dịch	

	liên quan đến tài sản là động sản, quyền sử dụng đất và nhà ở	Miễn lệ phí chứng thực hợp đồng thế chấp tài sản cho cá nhân, hộ gia đình vay vốn tại tổ chức tín dụng để phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn	
7	Thủ tục chứng thực di chúc	Lệ phí: 50.000 đồng/di chúc.	
8	Thủ tục chứng thực văn bản từ chối nhận di sản	Lệ phí: 50.000 đồng/văn bản.	
9	Thủ tục chứng thực văn bản thỏa thuận phân chia di sản mà di sản là động sản, quyền sử dụng đất, nhà ở	Lệ phí: 50.000 đồng/văn bản	
10	Thủ tục chứng thực văn bản khai nhận di sản mà di sản là động sản, quyền sử dụng đất, nhà ở	Lệ phí: 50.000 đồng/văn bản	
II	Lĩnh vực Hộ tịch		
1	Thủ tục đăng ký kết hôn	- Lệ phí: Miễn lệ phí - Phí cấp bản sao Trích lục kết hôn (nếu có yêu cầu): 8.000 đồng/bản sao.	Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính; - Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính - Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021 của Bộ Tài chính
2	Thủ tục đăng ký kết hôn lưu động	Miễn lệ phí	
3	Thủ tục đăng ký khai sinh	Lệ phí: - Đối với trường hợp đăng ký khai sinh không đúng hạn: Mức lệ phí là 5000 đồng/lần Miễn lệ phí đối với trường hợp khai sinh đúng hạn, người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật. - Phí cấp bản sao Giấy khai sinh (Nếu có yêu cầu) 8.000 đồng/ bản sao.	
4	Thủ tục đăng ký nhận cha, mẹ, con	- Lệ phí 10.000 đồng/lần	

		Miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật. - Phí cấp bản sao trích lục đăng ký nhận cha mẹ con (nếu có yêu cầu): 8.000 đồng/bản sao.	- Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính; - Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính - Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021 của Bộ Tài chính - Nghị quyết 17/2016/NQ-HĐND ngày 05/10/2016 của HĐND tỉnh Hải Dương về ban hành mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của HĐND tỉnh
5	Thủ tục đăng ký khai sinh kết hợp nhận cha, mẹ, con	- Phí cấp bản sao Trích lục khai sinh, Trích lục đăng ký nhận cha, mẹ, con (nếu có yêu cầu): 8.000 đồng/bản sao. - Lệ phí: 15.000 đồng/lần Miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật.	
6	Thủ tục đăng ký khai tử	- Phí cấp bản sao Trích lục khai tử (nếu có yêu cầu): 8.000 đồng/bản sao. - Lệ phí: 5.000 đồng/lần Miễn lệ phí đối với trường hợp đăng ký khai tử đúng hạn, người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật.	
7	Thủ tục đăng ký khai sinh lưu động	- Đối với trường hợp đăng ký khai sinh không đúng hạn: Mức lệ phí là 5000 đồng/lần Miễn lệ phí đối với trường hợp khai sinh đúng hạn, người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật.	
8	Thủ tục đăng ký khai tử lưu động	- Lệ phí: 5.000 đồng/lần Miễn lệ phí đối với trường hợp đăng ký khai tử đúng hạn; đăng ký cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật.	
9	Thủ tục đăng ký giám hộ	- Phí cấp bản sao Trích lục đăng ký giám hộ (nếu có yêu cầu): 8.000 đồng/bản sao.	
10	Thủ tục đăng ký chấm dứt giám hộ.	- Phí cấp bản sao Trích lục đăng ký chấm dứt giám	

		hộ (nếu có yêu cầu): 8.000 đồng/bản sao.	
11	Thủ tục thay đổi, cải chính, bổ sung hộ tịch	- Phí cấp bản sao Trích lục thay đổi Hộ tịch, Trích lục cải chính hộ tịch, Trích lục bổ sung hộ tịch (nếu có yêu cầu): 8.000 đồng/bản sao. - Lệ phí: 10.000 đồng./lần Miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật.	- Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính; - Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính - Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021 của Bộ Tài chính - Nghị quyết 17/2016/NQ-HĐND ngày 05/10/2016 của HĐND tỉnh Hải Dương về ban hành mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của HĐND tỉnh
12	Thủ tục cấp Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân	Lệ phí: 10.000 đồng/lần Miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật.	
13	Thủ tục đăng ký lại khai sinh	- Phí cấp bản sao Giấy khai sinh (nếu có yêu cầu): 8.000 đồng/bản sao. - Lệ phí: 5.000 đồng./lần Miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật.	
14	Thủ tục đăng ký khai sinh cho người đã có hồ sơ, giấy tờ cá nhân	- Phí cấp bản sao Giấy khai sinh (nếu có yêu cầu): 8.000 đồng/bản sao. - Lệ phí: 5.000 đồng./lần Miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật.	
15	Thủ tục đăng ký lại kết hôn	Lệ phí: 25.000 đồng/lần Miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật.	Nghị quyết 17/2016/NQ-HĐND ngày 05/10/2016 của HĐND tỉnh Hải Dương về ban hành mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của HĐND tỉnh
16	Thủ tục đăng ký lại khai tử	- Phí cấp bản sao Giấy khai sinh (nếu có yêu cầu): 8.000 đồng/bản sao. - Lệ phí: 5.000 đồng/lần	

		Miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật.	
17	Thủ tục cấp bản sao trích lục hộ tịch	- Lệ phí: 8.000 đồng/1 bản sao trích lục/sự kiện hộ tịch đã đăng ký Miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật.	- Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính - Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính - Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021 của Bộ Tài chính
18	Thủ tục xác nhận thông tin hộ tịch	- Lệ phí: 8.000 đồng/Văn bản xác nhận về một việc hộ tịch của cá nhân đã đăng ký Miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật.	- Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính - Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính - Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021 của Bộ Tài chính
19	Liên thông thủ tục hành chính về đăng ký khai sinh, đăng ký thường trú, cấp thẻ bảo hiểm y tế cho trẻ em dưới 6 tuổi	Lệ phí Khai sinh: 5.000 đồng. Miễn lệ phí đối với trường hợp khai sinh đúng hạn, người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật. - Đăng ký thường trú: 7.000 đồng/lần đăng ký Không thu lệ phí đăng ký cư trú đối với các trường hợp: Con dưới 18 tuổi của liệt sĩ; con dưới 18 tuổi của thương binh; hộ gia đình thuộc diện xóa đói, giảm nghèo	- Nghị quyết 17/2016/NQ-HĐND ngày 05/10/2016 của HĐND tỉnh Hải Dương về ban hành mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của HĐND tỉnh
20	Liên thông các thủ tục hành chính về đăng ký khai sinh, cấp Thẻ bảo hiểm y tế cho trẻ em dưới 6 tuổi	- Lệ phí: 5.000 đồng. Miễn lệ phí đối với trường hợp khai sinh đúng hạn, người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật.	

21	Liên thông thủ tục Đăng ký khai tử, xóa đăng ký thường trú, hưởng mai táng phí đối với đối tượng thực hiện theo Nghị	- Lệ phí đăng ký khai tử: : 5.000 đồng/1 trường hợp (đăng ký khai tử sau 15 ngày); có nhu cầu cấp bản sao: 8.000 đồng/1 trường hợp.	
----	--	---	--

	định số 150/2006/NĐ-CP ngày 12 tháng 12 năm 2006 hướng dẫn thi hành một số điều của Pháp lệnh Cựu chiến binh	Miễn lệ phí đối với trường hợp đăng ký khai tử đúng hạn, người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật; trẻ em; người cao tuổi;	
22	Liên thông thủ tục Đăng ký khai tử, xóa đăng ký thường trú, hưởng mai táng phí đối với đối tượng hưởng trợ cấp theo Quyết định số 49/2015/QĐ-TTg ngày 14 tháng 10 năm 2015 về một số chế độ, chính sách đối với dân công hỏa tuyến tham gia kháng chiến chống Pháp, chống Mỹ, chiến tranh bảo vệ Tổ quốc và làm nghĩa vụ quốc tế	- Lệ phí đăng ký khai tử: 5.000 đồng/1 trường hợp (đăng ký khai tử sau 15 ngày); có nhu cầu cấp bản sao: 8.000 đồng/1 trường hợp. Miễn lệ phí đối với trường hợp đăng ký khai tử đúng hạn, người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật; trẻ em; người cao tuổi;	
23	Liên thông thủ tục Đăng ký khai tử, hưởng mai táng phí đối với đối tượng hưởng trợ cấp theo Quyết định số 62/2011/QĐ-TTg ngày 09 tháng 11 năm 2011 về chế độ, chính sách đối với đối tượng tham gia chiến tranh bảo vệ Tổ quốc, làm nhiệm vụ quốc tế ở Cam-pu-chia, giúp bạn Lào sau ngày 30 tháng 4 năm 1975 đã phục viên, xuất ngũ, thôi việc	- Lệ phí đăng ký khai tử: 5.000 đồng/1 trường hợp (đăng ký khai tử sau 15 ngày); có nhu cầu cấp bản sao: 8.000 đồng/1 trường hợp. Miễn lệ phí đối với trường hợp đăng ký khai tử đúng hạn, người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật; trẻ em; người cao tuổi;	- Nghị quyết 17/2016/NQ-HĐND ngày 05/10/2016 của HĐND tỉnh Hải Dương về ban hành mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của HĐND tỉnh
24	Liên thông thủ tục Đăng ký khai tử, hưởng mai táng phí đối với đối tượng thân nhân liệt sĩ đang hưởng trợ cấp hàng tháng; người trực tiếp tham gia kháng chiến chống Mỹ cứu nước nhưng chưa được hưởng chính sách của Đảng, Nhà nước theo Quyết định số 290/2005/QĐ-TTg ngày 08 tháng 11	- Lệ phí đăng ký khai tử: 5.000 đồng/1 trường hợp (đăng ký khai tử sau 15 ngày); có nhu cầu cấp bản sao: 8.000 đồng/1 trường hợp. Miễn lệ phí đối với trường hợp đăng ký khai tử đúng hạn, người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật; trẻ em; người cao tuổi;	

	năm 2005, Quyết định số 188/2007/QĐ-TTg ngày 06/12/2007		
25	Liên thông thủ tục Đăng ký khai tử, xóa đăng ký thường trú, hưởng mai táng phí đối với đối tượng hưởng trợ cấp theo Quyết định số 62/2011/QĐ-TTg ngày 09 tháng 11 năm 2011 về chế độ, chính sách đối với đối tượng tham gia chiến tranh bảo vệ Tổ quốc, làm nhiệm vụ quốc tế ở Cam-pu-chia, giúp bạn Lào sau ngày 30 tháng 4 năm 1975 đã phục viên, xuất ngũ, thôi việc	- Lệ phí đăng ký khai tử: 5.000 đồng/1 trường hợp (đăng ký khai tử sau 15 ngày); có nhu cầu cấp bản sao: 8.000 đồng/1 trường hợp. Miễn lệ phí đối với trường hợp đăng ký khai tử đúng hạn, người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật; trẻ em; người cao tuổi;	
26	Liên thông thủ tục Đăng ký khai tử, hưởng mai táng phí đối với đối tượng thực hiện theo Nghị định số 150/2006/NĐ-CP ngày 12 tháng 12 năm 2006 hướng dẫn thi hành một số điều của Pháp lệnh Cựu chiến binh	- Lệ phí đăng ký khai tử: 5.000 đồng/1 trường hợp (đăng ký khai tử sau 15 ngày); có nhu cầu cấp bản sao: 8.000 đồng/1 trường hợp. Miễn lệ phí đối với trường hợp đăng ký khai tử đúng hạn, người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật; trẻ em; người cao tuổi;	
27	Liên thông thủ tục Đăng ký khai tử, xóa đăng ký thường trú, hưởng mai táng phí đối với đối tượng thân nhân liệt sĩ đang hưởng trợ cấp hàng tháng; người trực tiếp tham gia kháng chiến chống Mỹ cứu nước nhưng chưa được hưởng chính sách của Đảng, Nhà nước theo Quyết định số 290/2005/QĐ-TTg ngày 08 tháng 11 năm 2005, Quyết định số 188/2007/QĐ-TTg ngày 06/12/2007	- Lệ phí đăng ký khai tử: 5.000 đồng/1 trường hợp (đăng ký khai tử sau 15 ngày); có nhu cầu cấp bản sao: 8.000 đồng/1 trường hợp. Miễn lệ phí đối với trường hợp đăng ký khai tử đúng hạn, người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật; trẻ em; người cao tuổi;	
28	Liên thông thủ tục Đăng ký khai tử, xóa đăng ký thường trú, hỗ trợ chi phí mai	- Lệ phí đăng ký khai tử: 5.000 đồng/1 trường hợp (đăng ký khai tử sau 15 ngày); có nhu cầu cấp bản	- Nghị quyết 17/2016/NQ-HĐND ngày 05/10/2016 của HĐND tỉnh Hải Dương về ban hành mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của HĐND tỉnh

	táng cho đối tượng bảo trợ xã hội (được trợ giúp xã hội thường xuyên tại cộng đồng)	sao: 8.000 đồng/1 trường hợp. Miễn lệ phí đối với trường hợp đăng ký khai tử đúng hạn, người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật; trẻ em; người cao tuổi	
29	Thủ tục liên thông Đăng ký khai tử - Xóa đăng ký thường trú - Hưởng mai táng phí (đối với đối tượng người có công với cách mạng từ trần)	- Phí: 5.000 đồng/1 trường hợp (đăng ký khai tử sau 15 ngày); có nhu cầu cấp bản sao: 8.000 đồng/1 trường hợp. Miễn lệ phí đối với trường hợp đăng ký khai tử đúng hạn, người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật; trẻ em; người cao tuổi;	- Nghị quyết 17/2016/NQ-HĐND ngày 05/10/2016 của HĐND tỉnh Hải Dương về ban hành mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của HĐND tỉnh
30	Thủ tục liên thông Đăng ký khai tử - Xóa đăng ký thường trú - Hưởng chế độ tử tuất (trợ cấp tuất và trợ cấp mai táng)	- Phí: 5.000 đồng/1 trường hợp (đăng ký khai tử sau 15 ngày); có nhu cầu cấp bản sao: 8.000 đồng/1 trường hợp. Miễn lệ phí đối với trường hợp đăng ký khai tử đúng hạn, người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật; trẻ em; người cao tuổi;	
III	Lĩnh vực Nuôi con nuôi		
1	Thủ tục đăng ký nuôi con nuôi trong nước	Lệ phí: 400.000đ/trường hợp	- Thông tư số 267/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính
2	Thủ tục đăng ký lại việc nuôi con nuôi trong nước	Lệ phí: không	
*	ĐỊA CHÍNH GIAO THÔNG THỦY LỢI		
I	Lĩnh vực Đường thủy nội địa		
1	Thủ tục đăng ký phương tiện thủy nội địa lần đầu đối với phương tiện chưa khai thác	Lệ phí: 70.000đ/1 giấy chứng nhận đăng ký.	
3	Đăng ký lần đầu đối với phương tiện	Lệ phí: 70.000đ/1 giấy chứng nhận đăng ký	

	đang khai thác trên đường thủy nội địa		- Thông tư số 47/2005/TT-BTC ngày 08/6/2005 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ thu, nộp và quản lý sử dụng phí, lệ phí quản lý nhà nước về đảm bảo trật tự, an toàn giao thông đường thủy nội địa.
3	Thủ tục đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chuyển từ cơ quan đăng ký khác sang cơ quan đăng ký phương tiện thủy nội địa	Lệ phí: 70.000đ/1 giấy chứng nhận đăng ký	
4	Thủ tục đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chuyển quyền sở hữu phương tiện nhưng không thay đổi cơ quan đăng ký phương tiện	Lệ phí: 70.000đ/1 giấy chứng nhận đăng ký	
5	Thủ tục Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chuyển quyền sở hữu phương tiện đồng thời thay đổi cơ quan đăng ký phương tiện	Lệ phí: 70.000đ/1 giấy chứng nhận đăng ký	
6	Thủ tục Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chủ phương tiện thay đổi trụ sở hoặc nơi đăng ký hộ khẩu thường trú của chủ phương tiện sang đơn vị hành chính cấp tỉnh khác.	Lệ phí: 70.000đ/1 giấy chứng nhận đăng ký	
7	Thủ tục Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện	Lệ phí: 70.000đ/1 giấy chứng nhận đăng ký	